

Chiến lược và hoạt động kinh doanh

Lịch sử phát triển: VCB là Ngân hàng lớn thứ 2 theo chỉ tiêu về tổng tài sản cũng như chỉ tiêu lợi nhuận đạt được trong số toàn bộ các Ngân hàng tại Việt Nam. Tiền thân là một Ngân hàng Quốc doanh, phục vụ cho các hoạt động tài chính xuất nhập khẩu của đất nước, sau này VCB đã phát triển mạnh và triển khai hầu hết mọi loại hình dịch vụ tài chính. Ngân hàng có 146 chi nhánh, 2 chi nhánh nước ngoài, 4 đơn vị trực thuộc và 5 đơn vị liên doanh.

Hoạt động chính: Bên cạnh hoạt động chính là tín dụng, VCB còn triển khai nhiều loại hình dịch vụ tài chính khác bao gồm ngân hàng cá nhân, giao dịch tài chính, thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối. VCB là ngân hàng đứng đầu về dịch vụ thanh toán Quốc tế và kinh doanh tiền tệ với hơn 30% thị phần. VCB là ngân hàng đầu tiên phát hành thẻ tín dụng tại Việt Nam năm 1996 và kể từ đó trở thành nhà cung cấp thẻ lớn nhất với 40% thị phần. VCB đã tạo dựng cho mình một hệ thống ATM và liên minh thẻ riêng biệt. Trên hết, với quy mô lớn, VCB có khả năng cấp vốn cho vay tới các dự án lớn mà hầu hết các ngân hàng khác nhỏ hơn không đủ tiềm lực tài chính để đáp ứng.

Cơ cấu cổ đông (29/09/2009):

Cổ đông	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ trọng (%)
Cổ đông nhà nước	1.104.703.996	90,72
Cổ đông nước ngoài	27.388.714	2,24
Cổ đông khác	85.778.787	7,05
Total	1.217.707.227	100

Các số liệu thị trường tại ngày 29/09/2009

GT vốn hóa TT (tỷ VND)	6.063,15	Giá hiện tại (VND)	54.000
KLGD bq 30 ngày (CP)	1.235.959	Giá cao nhất 52 tuần	60.500
SLCP đang LH (triệu CP)	112,28	Giá thấp nhất 52 tuần	46.800
Vốn điều lệ (tỷ VND)	12.177	P/E 4 quý gần nhất (x)	19.97
EPS điều chỉnh (VND)	2.727	P/B (x)	4.43
Lãi cổ tức (%)	2,4	Sở hữu nước ngoài (%)	2,24

Các doanh nghiệp so sánh tại ngày 29/09/2009

Mã chứng khoán	CTG	ACB	STB
GT vốn hoá TT (tỷ VND)	4.775,67	29.809,6	18.877,3
P/E 4 quý gần nhất (x)	20,56	12,68	18,94
P/B (x)	3,27	3,96	3,43
Lãi cổ tức (%)	-	4,5	4,32
ROA (%)	1,01	1,92	1,65
ROE (%)	24,95	43,46	19,96
EPS điều chỉnh (đồng)	1.813	3.696	1.821
NIM (%)	3,71	3,07	2,06
CAR (%)	12	12,44	12,16
NPL (%)	1,08	0,9	0,62
Sở hữu nước ngoài (%)	1,09	30	30

Để biết thêm thông tin chi tiết về mã cổ phiếu này, vui lòng truy cập trang web Ezsearch của chúng tôi tại địa chỉ <http://ezsearch.fpts.com.vn>

Phân tích tài chính

- Thu nhập lãi thuần tăng 58,71% trong năm 2008 lên 6.507 tỷ đồng so với 4.100 tỷ đồng năm 2007. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần trong năm 2008 cao hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm trước nhờ sự gia tăng của lãi suất và một số tài sản hưởng lãi sau các đợt tăng lãi suất cơ bản của NHNN. Cùng với đó, tỉ lệ lãi biên (NIM) của Ngân hàng gia tăng lên 2,93% trong năm 2008 từ mức 2,07% tổng năm 2007. Sau đợt cắt giảm lãi suất, thu nhập lãi thuần của VCB giảm nhẹ nhưng vẫn rất ổn định trong nửa đầu năm 2009.
- Thu nhập ngoài lãi gia tăng 42.36% trong năm 2008 chủ yếu là do thu nhập từ các khoản phí dịch vụ và lợi nhuận trong giao dịch kinh doanh tài chính. Doanh thu từ các loại phí dịch vụ gia tăng đều đặn hàng năm, chủ yếu từ các khoản dịch vụ bảo lãnh. Doanh thu từ kinh doanh vàng và ngoại tệ tăng rất mạnh 2,68 lần trong năm 2008 và tiếp tục gia tăng trong năm 2009. Rõ ràng là cơ cấu doanh thu của VCB đã thay đổi và phụ thuộc ít hơn vào hoạt động tín dụng.
- Tổng tài sản của Ngân hàng gia tăng đều đặn 15% mỗi năm. Các chỉ số ROE và ROA cũng gia tăng theo đà tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận. Sau thời điểm cổ phần hóa vào cuối năm 2007, VCB cho thấy sự tăng trưởng mạnh hơn về lợi nhuận do các thay đổi tích cực về cơ cấu doanh thu và công tác quản lý nội bộ.
- Các khoản cho vay khách hàng gia tăng khoảng 15% mỗi năm do sự tăng trưởng các hoạt động tín dụng cho các doanh nghiệp trong nước cũng như các dự án đầu tư của các công ty nước ngoài. Các khoản tiền gửi của khách hàng gia tăng chậm hơn với tỷ lệ 10,6% một năm. Tuy nhiên tỷ lệ dư nợ trên tiền gửi vẫn ở mức ổn định 65%, cho thấy rủi ro thanh khoản của ngân hàng là rất thấp.
- Từ năm 2007 đến nay các khoản đầu tư chứng khoán của ngân hàng gia tăng khoảng 10,7% mỗi năm lên mức 42.053 tỷ Đồng vào ngày 30/06/2009. Sự gia tăng này chủ yếu là từ các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ và trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Tỷ lệ các khoản nợ khó đòi trên tổng dư nợ gia tăng lên mức 4,1% vào ngày 30/06/2009 so với mức 3,48% vào ngày 30/12/2008. Sự gia tăng của tỷ lệ nợ xấu trong năm 2009 là do sự tăng trưởng tín dụng cao trong các năm gần đây và việc áp dụng cách thức phân loại nợ mới trong điều lệ 493 của chính phủ. Tuy nhiên theo NHNN, tỷ lệ nợ xấu này hiện đang ở mức chấp nhận được và đang được kiểm soát.

BC Lãi/Lỗ (triệu đồng)	(*)Q2 2009	2008	2007
Thu nhập lãi thuần	1.635.906	6.507.222	4.099.875
Lợi nhuận thuần từ HDKD	1.726.613	6.417.455	4.135.653
Dự phòng rủi ro tín dụng	(256.745)	(2.860.320)	(943.534)
Lợi nhuận trước thuế	1.469.867	3.557.135	3.192.119
Lợi nhuận sau thuế	1.169.473	2.680.182	2.407.061
Bảng CĐKT (triệu đồng)	(*)30/6/2009	31/12/2008	31/12/2007
Tiền mặt	38.151.169	64.411.398	56.464.477
Các khoản đầu tư	45.163.256	44.837.803	42.205.698
CHo vay khách hàng	126.595.451	108.528.764	95.429.695
Tài sản cố định	5.741.914	4.172.483	3.308.166
Tổng tài sản	215.651.790	221.950.448	197.408.036
Phải trả NHNN	5.845.337	9.515.633	12.685.256
Tiền gửi tại các NH khác	21.485.166	23.900.514	17.939.810
Tiền gửi của khách hàng	154.848.458	157.067.019	141.589.093
Các khoản nợ khác	18.293.866	17.573.845	11.557.991
Vốn chủ sở hữu	15.178.693	13.893.437	13.635.886
Tổng nguồn vốn	215.651.790	221.950.448	197.408.036
Chỉ số tài chính	Q2 2009	2008	2007
Tăng trưởng (**)			
DT thuần (%)	-8,66	58,71	7,42
LN thuần (%)	11,79	55,19	10,35
Vốn CSH (%)	8,4	1,89	20,69
Tổng tài sản (%)	12,82	12,43	18,12
ROE (%)	24,36	19,29	17,65
ROA (%)	1,64	1,21	1,22
NPL (%)	4,1	3,48	2,07
CAR (%)	N/A	8,9	11,2
NIM (%)	2,63	2,93	2,07
Chi phí/ Thu nhập (%)	39,46	41,46	30,89
EPS (VND)	2978	2214	N/A

(*) Nguồn: BCTC chưa kiểm toán của VCB

(**) So sánh với cùng kỳ năm trước

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS, Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Các thông tin có liên quan đến các chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <http://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2009 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Tầng 2 – Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh
Quận Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: (84.4) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

124 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận Hải Châu
Tp. Đà Nẵng - Việt Nam
ĐT: (84.511) 3553 666
Fax: (84.511) 3553 888

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam
ĐT: (84.8) 6 290 8686
Fax: (84.8) 6 291 0607